

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 01 năm 2026

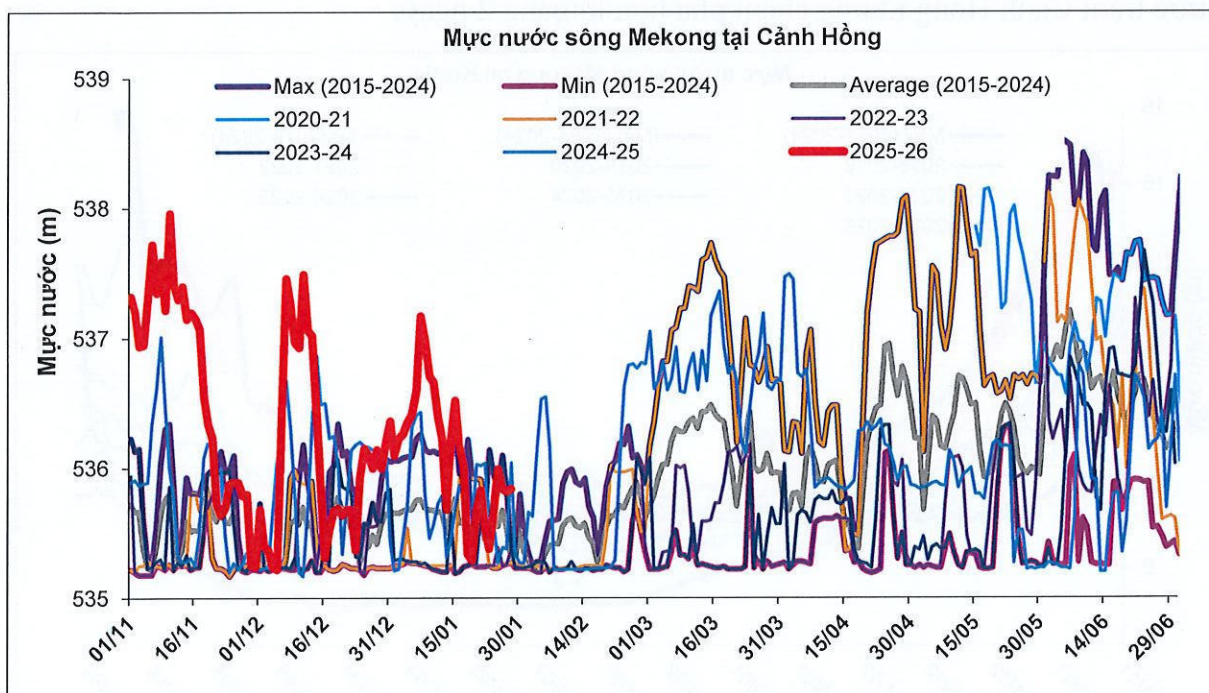
BẢN TIN DỰ BÁO THÁNG 02/2026
DỰ BÁO NGUỒN NƯỚC VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG
PHỤC VỤ CHỈ ĐẠO SẢN XUẤT VÀ ĐIỀU HÀNH CẤP NƯỚC
MÙA KIẾT NĂM 2026

(Tháng từ 01/02 đến 28/02/2026)

1. DIỄN BIẾN NGUỒN NƯỚC SÔNG MÊ CÔNG VÀ SẢN XUẤT TRONG THÁNG

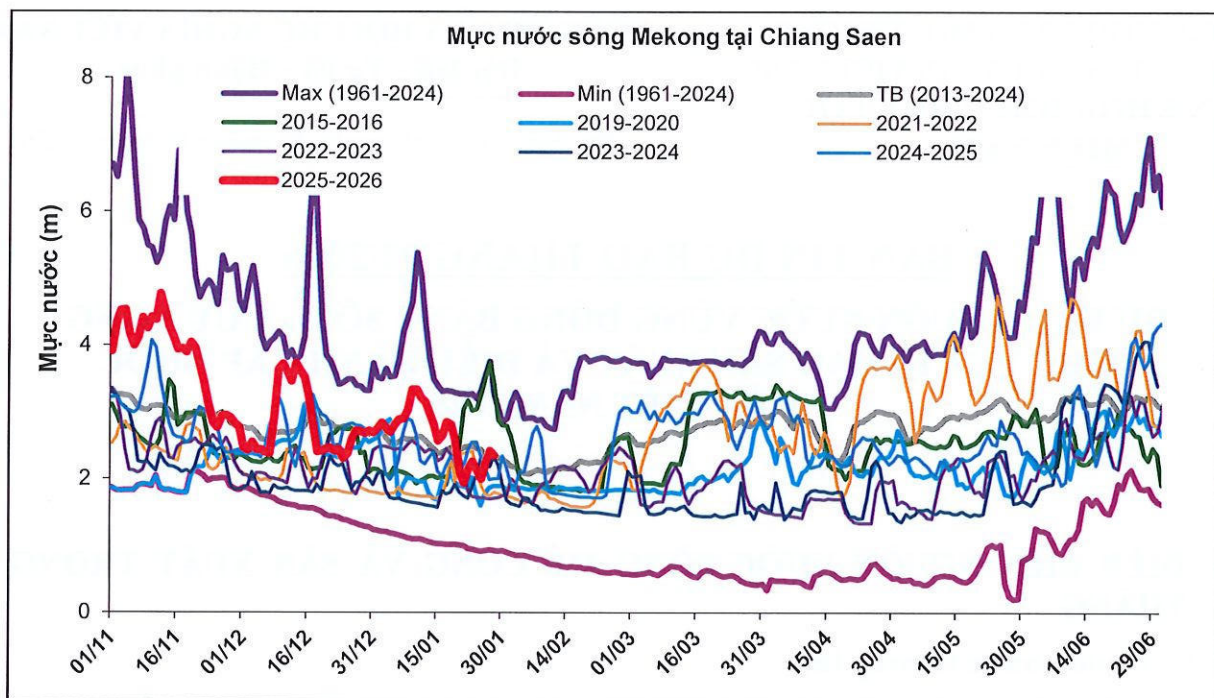
1.1. Nguồn nước thượng lưu

Diễn biến nguồn nước thượng lưu vực sông Mê Công xuống hạ lưu thể hiện qua diễn biến dòng chảy một số trạm trên dòng chính từ thượng nguồn Cảnh Hồng đến Kratie và về đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) qua Tân Châu được cập nhật đến cuối tháng 01/2026 như dưới đây.



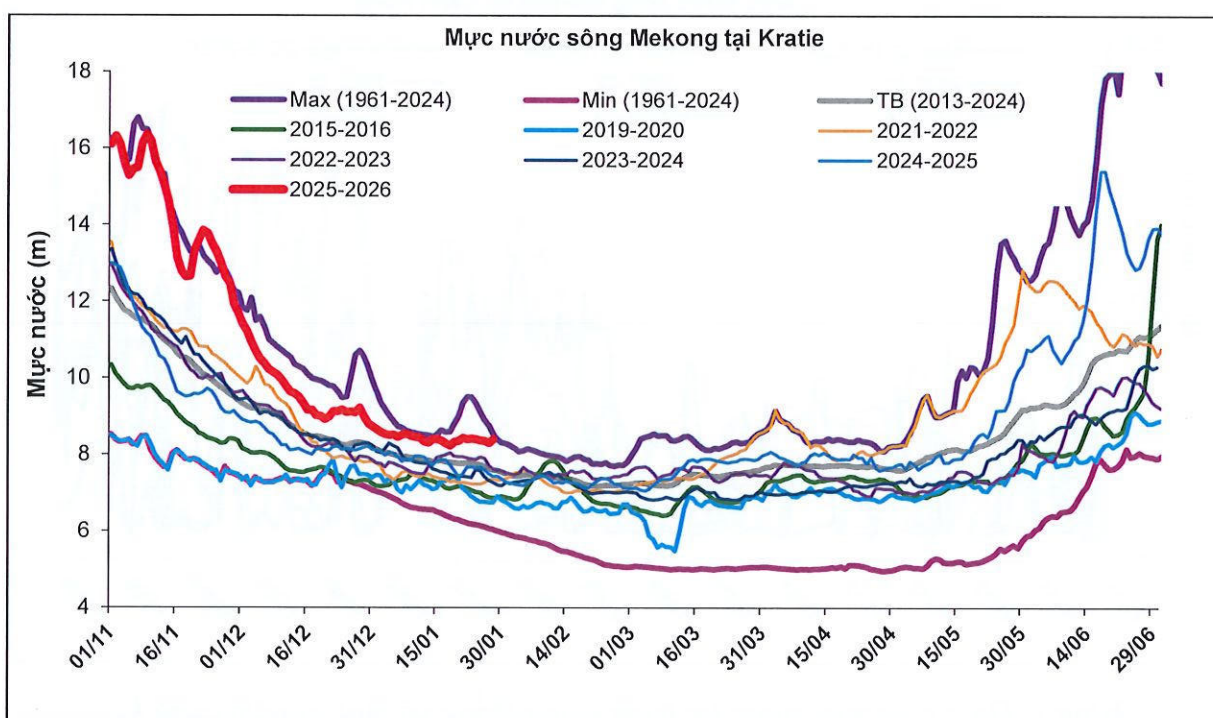
Hình 1. Diễn biến mực nước tại trạm Cảnh Hồng và một số năm cùng kỳ

Bình quân dòng chảy xuống hạ lưu qua trạm Cảnh Hồng tháng 1/2026 là 1.116 m³/s, dao động trong khoảng từ 666 m³/s đến 2009 m³/s. Đáng chú ý, trong thời gian từ ngày 18/1/2026 đến cuối tháng 1, thủy điện Cảnh Hồng (Jinghong) đã giảm xả đáng kể so với thời gian trước đó, lưu lượng bình quân về hạ lưu chỉ còn 832,5 m³/s (666 m³/s-1.004 m³/s), bằng 64% so với giai đoạn trước đó (1.300 m³/s).



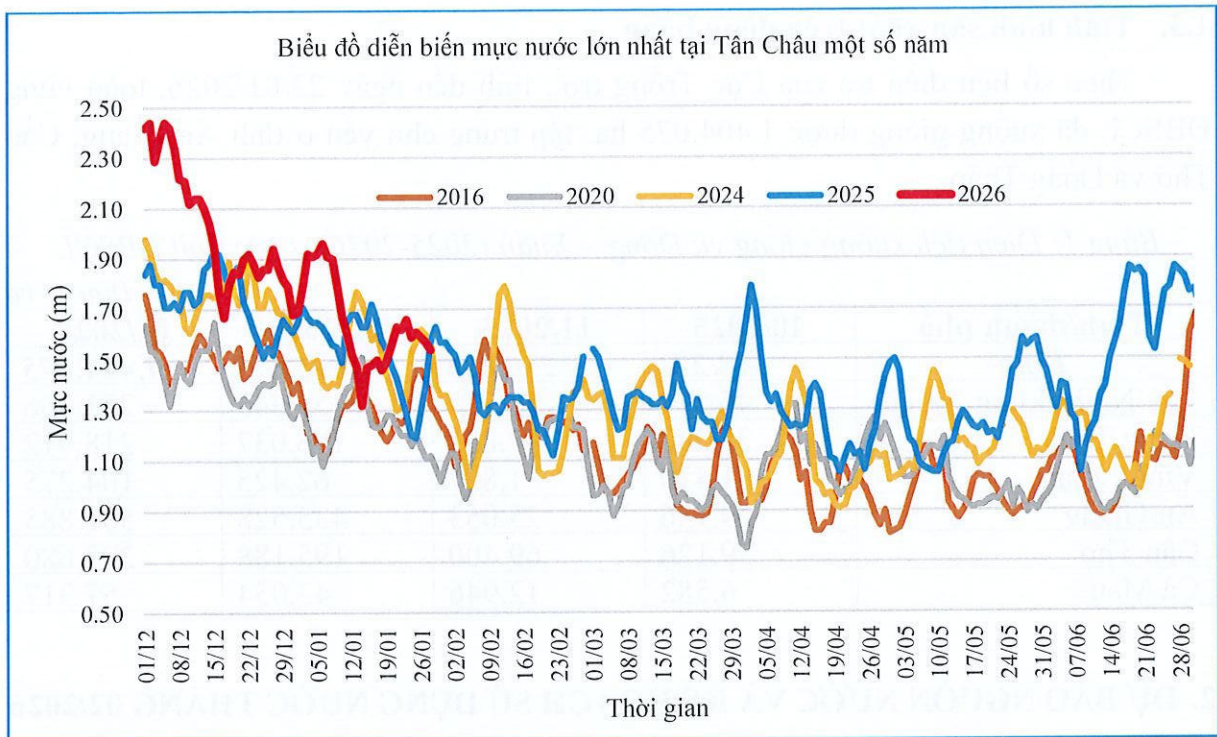
Hình 2. Diễn biến mực nước tại trạm Chiang Saen và một số năm cùng kỳ

Tại trạm Chiang Saen, mực nước phụ thuộc phần lớn vào lượng xả của các bậc thang thủy điện Trung Quốc, xu thế biến động mực nước tương đồng với diễn biến mực nước trạm Cảnh Hồng nhưng chậm pha hơn khoảng 2 ngày.



Hình 3. Diễn biến mực nước tại trạm Kratie và một số năm cùng kỳ

Tại trạm Kratie (trạm đầu nguồn của Châu thổ Mê Công), nguồn nước vẫn đang ở mức cao hơn trung bình nhiều năm (TBNN) (2013-2024) và đang có xu thế giảm dần. Lưu lượng cuối chuỗi ghi nhận tại đây khoảng $5.041 \text{ m}^3/\text{s}$. So với cùng kỳ, cao hơn khoảng $1.274 \text{ m}^3/\text{s}$ so với TBNN, cao hơn khoảng $1.540 \text{ m}^3/\text{s}$ so với năm 2024 và cao hơn khoảng $1.759 \text{ m}^3/\text{s}$ so với năm 2023.

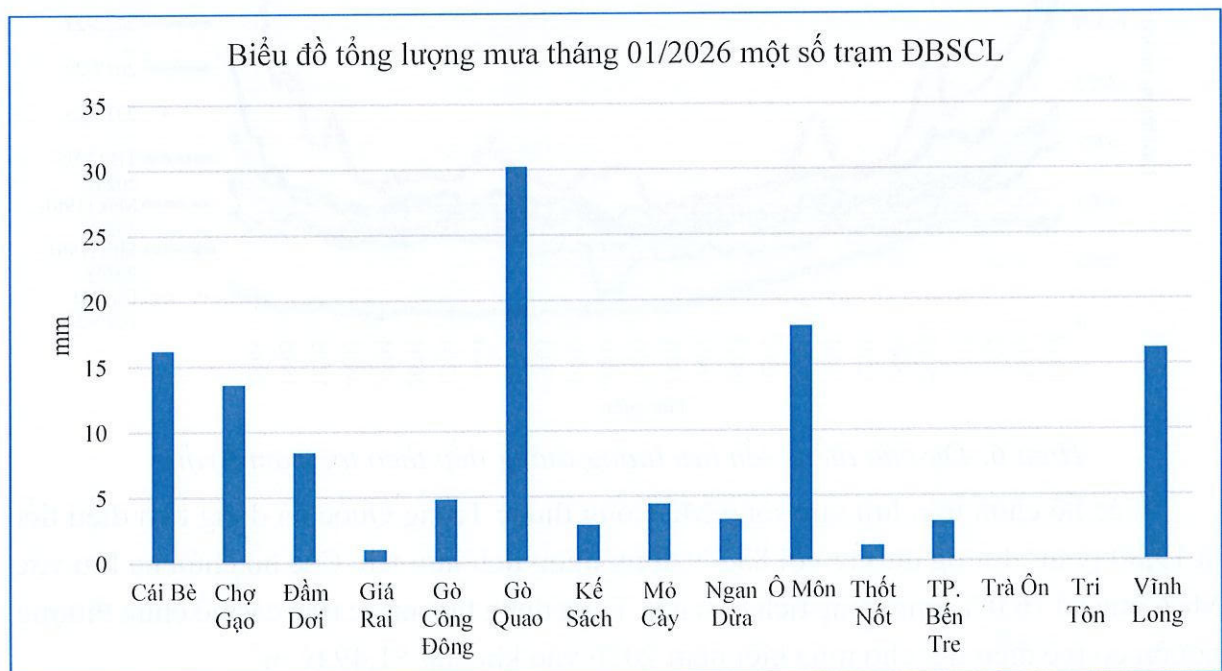


Hình 4. Diễn biến mực nước lớn nhất tại trạm Tân Châu và một số năm cùng kỳ

Tháng 01/2026 mực nước lớn nhất tại đầu nguồn ĐBSCL tại Tân Châu biến động từ 132cm-196cm, cao hơn từ 10cm - 15cm so với các năm gần đây. Đến cuối tháng 01/2026 mực nước đang giảm dần và xấp xỉ năm 2025 và TBNN, mực nước thay đổi do ảnh hưởng bởi dòng chảy về từ thượng nguồn và biến đổi theo triều.

1.2. Diễn biến mưa trên đồng bằng

Diễn biến mưa một số trạm trên đồng bằng được thống kê ở Hình 5. Tổng lượng mưa trung bình tháng 01/2026 vùng ĐBSCL khoảng 3-5mm, có nơi hơn 30mm.



Hình 5: Diễn biến mưa trên đồng bằng sông Cửu Long trong tháng 01/2026

1.3. Tình hình sản xuất trên đồng bằng

Theo số liệu điều tra của Cục Trồng trọt, tính đến ngày 23/01/2026, toàn vùng ĐBSCL đã xuống giống được 1.404.075 ha, tập trung chủ yếu ở tỉnh An Giang, Cần Thơ và Đồng Tháp.

Bảng 1: Diện tích xuống giống vụ Đông – Xuân (2025-2026) ở các tỉnh ĐBSCL

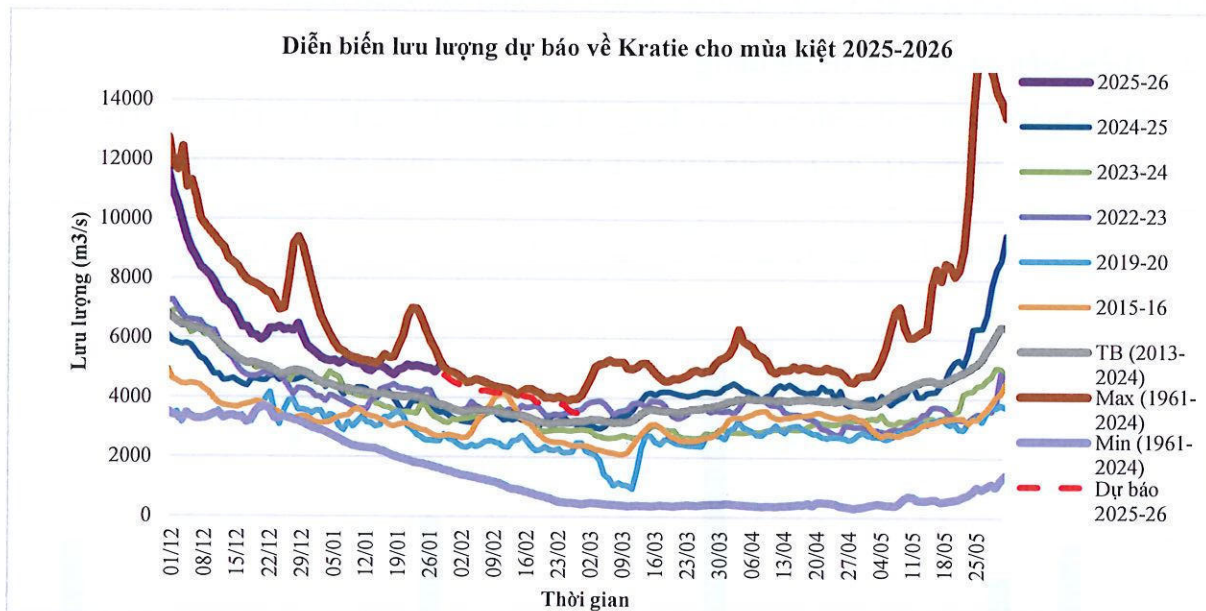
Đơn vị: ha

Tỉnh/thành phố	10/2025	11/2025	12/2025	01/2026
Tổng	148.271	210.886	1.075.577	1.404.075
Tây Ninh (Long An cũ)	46.274	53.777	154.345	251.006
Đồng Tháp	25.143	47.852	186.037	218.912
Vĩnh Long	1.410	1.857	62.425	104.275
An Giang	9.736	25.053	435.528	501.885
Cần Thơ	59.126	69.400	195.188	270.680
Cà Mau	6.582	12.946	42.054	57.317

2. DỰ BÁO NGUỒN NƯỚC VÀ KẾ HOẠCH SỬ DỤNG NƯỚC THÁNG 02/2026

2.1. Dự báo nguồn nước thượng lưu về đồng bằng

Dựa vào diễn biến nguồn nước, lượng trữ của các hồ chứa thủy điện, nhu cầu sử dụng nước thượng lưu, và dòng chảy bổ sung từ mưa dự báo trên lưu vực, dự báo lưu lượng bình quân tại trạm Kratie trong tháng 02/2026 vào khoảng 4.100 m³/s, được xem là ở mức cao hơn so với trung bình nhiều năm.



Hình 6: Dự báo diễn biến lưu lượng tháng tiếp theo tại trạm Kratie

Các hồ chứa trên lưu vực sông Mê Công thuộc Trung Quốc có dung tích điều tiết là 19,80 tỷ m³, tương đương với 83,3% tổng dung tích hữu ích. Các hồ chứa hạ lưu vực Mê Công có 76,0% tổng dung tích hữu ích. Tổng dung tích nước trên các hồ chứa thượng nguồn có thể điều tiết cho mùa kiệt năm 2026 vào khoảng 51,49 tỷ m³.

Bảng 2: So sánh lưu lượng trung bình tháng tại Kratie năm 2025-2026 với TBNN và một số năm đặc trưng

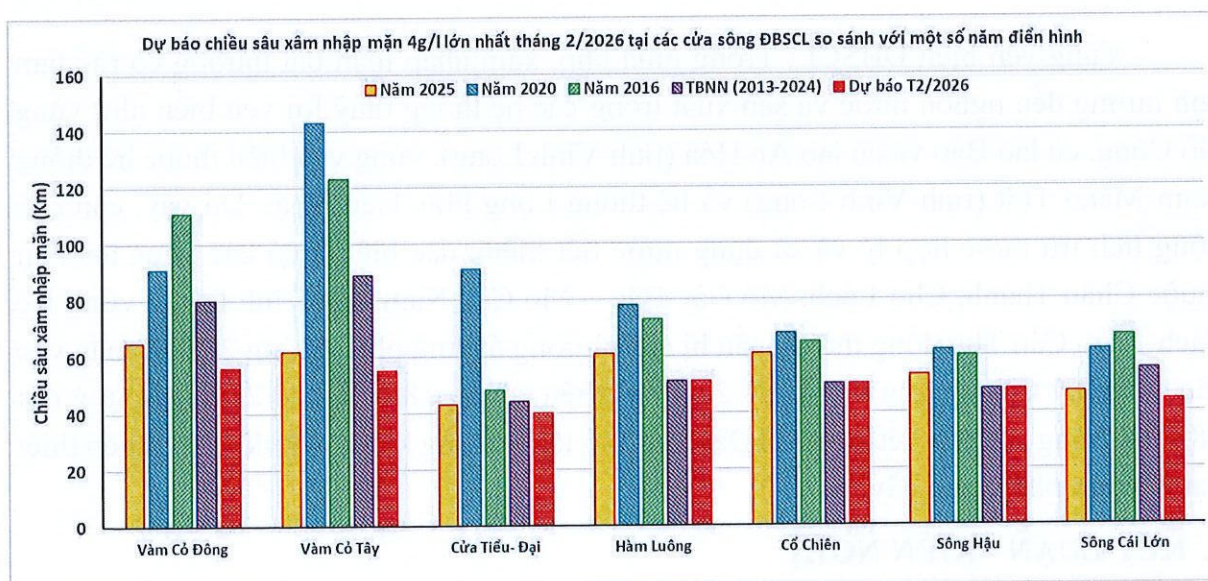
Tháng	Q_{Kratie} (m^3/s)	Khác biệt lưu lượng (m^3/s) năm dự báo 2026 so với lưu lượng đặc trưng TBNN và một số năm khác cùng kỳ (Q_{Kratie} dự báo – $Q_{so\ s\ a\ n\ h}$)					
		TBNN	2025	2024	2023	2020	2016
Th.01/2026	5.024	+913	+1.027	+1.155	+1.012	+1.965	+1.892
Dự báo Th.02/2026	4.100	+728	+822	+891	+516	+1.714	+1.063

Ghi chú: (-) là thấp hơn; (+) là cao hơn

2.2. Dự báo nguồn nước và xâm nhập mặn trên Đồng bằng

Khả năng nguồn nước về các tiểu vùng và xâm nhập mặn ĐBSCL:

- Vùng thượng ĐBSCL, bao gồm phần đất tỉnh An Giang, Đồng Tháp, thượng nguồn Tây Ninh (thuộc vùng Đồng Tháp Mười) và TP. Cần Thơ nguồn nước đảm bảo.
- Vùng giữa ĐBSCL, bao gồm phần đất thuộc TP. Cần Thơ, tỉnh Đồng Tháp, tỉnh Tây Ninh, tỉnh Vĩnh Long và vùng được kiểm soát mặn ở Cà Mau. Dự báo ranh mặn 4g/l ảnh hưởng sâu nhất trên các cửa sông trong Tháng 02/2026 xuất hiện vào các kỳ triều cường đợt 2/2-4/2 khoảng 40-43km và đợt triều cường 18/2 đến 20/2 khoảng 50-55km. Xâm nhập mặn được kiểm soát bởi các hệ thống thủy lợi, vận hành hợp lý các công trình kiểm soát mặn sẽ không làm ảnh hưởng đến sản xuất.
- Vùng ven biển ĐBSCL: bao gồm ven biển các xã phường ven biển ĐBSCL (thuộc Đồng Tháp, Vĩnh Long, An Giang, Cà Mau và tỉnh Tây Ninh). Mặn xâm nhập sâu vào các kỳ triều cường, vận hành thủy điện có thể làm thay đổi chế độ dòng chảy và ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc có thể làm mặn vào sâu hơn so với dự báo. Để đảm bảo sản xuất các tháng mùa khô cần tăng cường giám sát mặn và cập nhật các bản tin dự báo thường xuyên.



Hình 7: Dự báo xâm nhập mặn tháng 02/2026 trên các cửa sông ĐBSCL

Tháng 2/2026: XNM có thể ảnh hưởng đến lấy nước của các công trình thủy lợi cách biển từ 50-55km vào các ngày triều cường.

Bảng 3: Dự báo chiều sâu xâm nhập mặn 4g/l tháng 02/2026

Đơn vị: km

TT	Sông	Max mùa kiệt 2025	Max mùa kiệt 2020	Max mùa kiệt 2016	Max TBNN (2013-2024)	Dự báo T02/2026
1	Vàm Cỏ Đông	65	91	111	80	55-58
2	Vàm Cỏ Tây	62	143	123	89	53-56
3	Cửa Tiểu-Đại	43	91	48	44	40-42
4	Hàm Luông	61	78	73	51	52-55
5	Cổ Chiên	61	68	65	50	48-52
6	Sông Hậu	53	62	60	48	46-50
7	Sông Cái Lớn	47	62	67	55	42-45

2.3. Kế hoạch sử dụng nước

Tiềm năng nguồn nước về đồng bằng thuộc nhóm năm **trên trung bình nước**, ảnh hưởng của ENSO trung tính giai đoạn từ tháng 01-03/2026 lên đến 69%, dự báo mặn xâm nhập mùa kiệt 2025-2026 ở mức thấp hơn trung bình nhiều năm. Nguồn nước tháng 02/2026 cơ bản đảm bảo cấp nước đủ diện tích theo kế hoạch sản xuất của các địa phương. Tuy nhiên, dòng chảy mùa kiệt có thể tăng hoặc giảm bất thường từng thời đoạn, tùy thuộc vào sự vận hành thủy điện trên lưu vực, vì vậy để đảm bảo an toàn cho sản xuất, các địa phương cần xây dựng các giải pháp ứng phó hạn mặn phù hợp với điều kiện của vùng:

- Vùng thượng ĐBSCL: nguồn nước đủ. Các vùng núi cao Tịnh Biên, Tri Tôn chủ động tích nước và sử dụng nước tiết kiệm.

- Vùng giữa ĐBSCL: nguồn nước đảm bảo sản xuất đủ diện tích theo kế hoạch. Vùng giáp ranh mặn-lợ chủ động tích trữ nước, đảm bảo đủ nước phục vụ sản xuất trong vụ Đông Xuân.

- Vùng ven biển ĐBSCL: Trong mùa khô, xâm nhập mặn bất thường có thể làm ảnh hưởng đến nguồn nước và sản xuất trong các hệ thống thủy lợi ven biển như vùng Gò Công, cù lao Bảo và cù lao An Hóa (tỉnh Vĩnh Long), vùng ven biển thuộc hệ thống Nam Măng Thít (tỉnh Vĩnh Long) và hệ thống Long Phú-Tiếp Nhật. Do vậy, cần chủ động tích trữ nước hợp lý và sử dụng nước tiết kiệm, đặc biệt là tại các vùng ăn Trái thuộc Châu Thành, Chợ Lách, Mỏ Cày Bắc – Mỏ Cày Nam tỉnh Vĩnh Long; vùng Kế Sách – Tp. Cần Thơ đồng thời chuẩn bị các phương án ứng phó. Tháng 2/2026 mặn vào sâu ở các kỳ triều cường đợt 2/2-4/2 và đợt triều cường 18/2 đến 20/2, đáng chú ý đợt 18-20/2 trùng với dịp Tết Nguyên Đán nên cần tăng cường kiểm soát để giảm thiểu thiệt hại do xâm nhập mặn gây ra.

3. KẾT LUẬN - KIẾN NGHỊ

Nguồn nước trong tháng 02/2026 được dự báo là thuận lợi, cao hơn trung bình nhiều năm và cao hơn cùng kỳ một số năm gần đây. Dự báo nguồn nước về ĐBSCL mùa khô 2025-2026 thuộc nhóm năm trên trung bình nước, xâm nhập mặn ở mức trung

bình hoặc dưới trung bình nhiều năm, khả năng thay đổi chậm. Nguồn nước đảm bảo sản xuất đủ diện tích theo kế hoạch hàng năm của các địa phương. Thời kì mặn cao nhất ở giai đoạn cuối tháng 02 đến tháng 04 với ranh giới mặn 4g/l từ 40-55km từ cửa sông. Tích nước bất thường có thể làm mặn vào sâu 50-60km, các địa phương chủ động các giải pháp thích ứng với hạn hán và xâm nhập mặn trong năm ở điều kiện như dự báo.

Chi tiết diễn biến nguồn nước sẽ tiếp tục dự báo cập nhật trong các bản tin tuần và tháng tiếp theo, đề nghị các địa phương tiếp tục theo dõi./.

VIỆN KHOA HỌC THỦY LỢI MIỀN NAM



PHÓ VIỆN TRƯỞNG
Trần Văn Thanh

Ghi chú :

Bản tin dự báo nguồn nước, xâm nhập mặn sẽ tiếp tục được cập nhật theo từng tuần. Để phục vụ kịp thời cho sản xuất chủ động điều hành cấp và tích trữ nước nhằm giảm thiểu thiệt hại có thể, kính đề nghị địa phương, các đơn vị sử dụng nếu có ý kiến, đề nghị phản hồi lại Cục Quản lý và Xây dựng Công trình Thủy lợi và Viện Khoa học Thủy lợi miền Nam theo địa chỉ email: dbnn.dbscl19@gmail.com để cập nhật trong các bản tin tiếp theo.

